

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2024

V/v: “Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TRÀ VINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Ông Trần Đạt Thông

2/Ông Nguyễn Trần Đông

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Trần Mai Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Không có

*- Người hỗ trợ tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện H:* Ông Nguyễn Văn Thảo, Thẩm phán, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh.

*- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã K:* Ông Nguyễn Xuân Trường, Thẩm tra viên, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

*-Bị đơn:* Ông Trần Quyết T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông T quen nhau vào năm 1996 và tự nguyện T đến hôn nhân có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống bà và ông T cũng có hạnh phúc được một thời gian và có hai người con chung tên Trần Tấn Đạt; sinh năm 1996 và Trần Đạt Được; sinh năm 1999, nhưng cách đây khoảng 5 năm thì vợ chồng thường hay bất hòa ý kiến, thường xuyên cãi nhau, do ông T thường hay uống rượu, cờ bạc không lo làm ăn, bà nói đến thì vợ chồng cãi nhau và ông T dùng bạo lực đánh đập bà do thương con còn nhỏ nên bà cố chịu đựng sống chung với ông T, nay các con đã trưởng thành nhưng ông T vẫn không sửa đổi mà vẫn thường xuyên cờ bạc vì vậy mà vợ chồng sống không hạnh phúc, nay bà nhận thấy không còn yêu thương ông T nữa nên bà và ông T đã quyết định không chung sống với nhau từ ngày 01/01/2024 đến nay, tuy nhiên bà muốn giữa bà và ông T được rõ ràng không bị ràng buộc lẫn nhau nên bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, mặc dù ông T vẫn có mặt tại địa phương và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông T vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Trần Quyết T là vợ chồng, con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn ông Trần Quyết T cư trú tại ấp K, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông Trần Quyết T là vợ chồng nên xác định quan hệ “Tranh chấp về nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có mặt tại phiên tòa. Riêng bị đơn ông Trần Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án T hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông T.

#### **[2] Về nội dung:**

-Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quyết T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T không hợp pháp và không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

Quá trình chung sống theo bà P trình bày thì bà P và ông T sống chung có hạnh phúc được khoảng 15 năm nhưng khoảng 5 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T thường hay uống rượu, cờ bạc không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông T đánh đập bà nhiều lần, nên bà không còn sống chung với ông T từ ngày 01/01/2024 cho đến nay, nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Hội đồng xét xử, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T sống chung với nhau vào năm 1996, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống ông, bà có hạnh phúc được một thời gian dài, khoảng 05 năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau, nên khoảng tháng 01 năm 2024 bà P và ông T không còn sống chung nhau nữa, nay bà P nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được vì bà P không còn tình cảm với ông T nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà P và ông T là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà P và ông T không thể kéo dài vì ông T không có thiện chí để hàn gắn lại với bà P thể hiện qua nhiều lần Tòa án mời, ông T đều biết và có nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng minh việc bà P trình bày là có cơ sở và hiện tại bà P và ông T không còn sống chung nữa, bà P về nhà cha mẹ ruột ở, xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà P và ông T không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, không công nhận bà P và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Trần Tấn Đ; sinh năm 1996 và Trần Đạt Đ; sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 227; 271; 273 ; 277; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quyết T là vợ chồng.

Về con chung: Trần Tấn Đ; sinh năm 1996 và Trần Đạt Đ; sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị P phải chịu, cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001954 ngày 22/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H thì bà Nguyễn Thị P đã nộp xong tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Trần Quyết T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hoài Thanh**